



HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ CHIẾN LƯỢC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP): NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Ngô Tuấn Anh*, Đỗ Đức Trung**

Việt Nam là một trong 12 quốc gia khu vực Châu Á-Thái Bình Dương hiện đang trong giai đoạn gấp rút đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định này còn được gọi là “Hiệp định của thế kỷ 21” hoặc “Hiệp định FTA chất lượng cao”, với tham vọng đi sâu liên kết kinh tế, phân công lao động giữa các quốc gia thành viên, cải cách và nhất thể hóa môi trường đầu tư, kinh doanh và thuận lợi hóa cho doanh nghiệp. Do đó, việc nhận diện những cơ hội, thách thức là cần thiết nhằm tránh những rủi ro trong dài hạn cũng như có những điều chỉnh phù hợp, tận dụng được những cơ hội do TPP mang lại đối với sự phát triển kinh tế bền vững trong tương lai.

Từ khóa: Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định TPP, TPP.

1. Giới thiệu

Bước sang thế kỷ 21, cùng với xu thế chuyển dịch trung tâm kinh tế thế giới từ Tây sang Đông, khu vực Châu Á– Thái Bình Dương trở thành khu vực phát triển nhanh và năng động nhất thế giới, quá trình liên kết quốc tế cũng có sự chuyển hướng mạnh mẽ từ liên kết đa phương sang liên kết khu vực và song phương, tạo sự “bùng nổ” các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương trên phạm vi toàn cầu. TPP là một hiệp định thương mại tự do tiêu chuẩn cao với phạm vi điều chỉnh rộng, bao gồm hầu hết các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường... Ngoài ra, Hiệp định TPP cũng quan tâm xử lý các vấn đề khác như liên kết khu vực, hợp tác kinh tế, hợp tác phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao sức cạnh tranh... Các thành viên sáng lập TPP kỳ vọng Hiệp định này sẽ mang lại lợi ích to lớn và bền vững cho các nước tham gia, thúc đẩy nhanh hơn quá trình tự do hóa thương mại toàn cầu, mang lại một cách thức để vượt qua khó khăn hiện nay khi vòng đàm phán Đô-ha đang lâm vào bế tắc. TPP là cơ hội dành cho tất cả các nền kinh tế lớn phát triển nhanh

trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương (các nước phát triển và đang phát triển) hợp nhất thành một khối kinh tế đại diện cho khoảng 30% GDP toàn cầu. TPP nếu được ký kết sẽ đẩy mạnh sự phát triển của các nền kinh tế, xóa rào cản về thương mại và đầu tư, tăng xuất khẩu và tạo thêm các cơ hội việc làm.

Hiện có 12 nước tham gia đàm phán TPP, bao gồm Úc, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lay-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Singapore, Hoa Kỳ và Việt Nam. Đàm phán TPP hiện đã kết thúc phiên thứ 19 và đang phần đầu hoàn thành trong năm 2014. Thông qua các phiên đàm phán của TPP, có thể thấy mục tiêu của TPP hướng tới, đó là:

Thứ nhất, TPP là một hiệp định thương mại tự do tiêu chuẩn cao với phạm vi điều chỉnh rộng, bao gồm hầu như tất cả các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường... TPP sẽ mang lại lợi ích to lớn và bền vững cho các nước tham gia, thúc đẩy nhanh hơn quá trình tự do hóa thương mại toàn cầu, TPP sẽ đi xa hơn các thỏa thuận tự do thông thường (FTA).

Thứ hai, TPP được thiết kế theo hướng mở, có cơ chế để có thể kết nạp thêm thành viên mới trong tương lai và bổ sung các vấn đề mới phát sinh sau khi Hiệp định có hiệu lực, ví dụ như Nhật Bản mới chính thức bắt đầu tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) từ ngày 22/7/2013.

Thứ ba, Nâng cao sức cạnh tranh và minh bạch hóa chính sách cũng là những chủ đề được đề cập trong nội dung đàm phán TPP. Các thành viên TPP cho rằng TPP phải giúp các doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh trên cơ sở cải thiện môi trường kinh doanh và minh bạch hóa các chính sách.

Thứ tư, Hiệp định TPP sẽ dành sự quan tâm thỏa đáng tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), bởi họ là động lực của tăng trưởng, vừa là nguồn tạo việc làm quan trọng tại tất cả các nền kinh tế, nhất là các nền kinh tế đang phát triển.

Ủy ban quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế (2010) cho biết những nội dung đàm phán cụ thể trong TPP bao gồm:

(i) Nhóm hàng hóa phi nông nghiệp: Đây là một trong nội dung chính của đàm phán cấp kỹ thuật. Đàm phán chủ yếu ở đây là cắt giảm thuế quan. TPP là hiệp định tiêu chuẩn cao, vì vậy mức cắt giảm thuế quan đối với nhóm hàng phi nông nghiệp có khả năng sẽ cao hơn mức cắt giảm trong một số hiệp định Việt Nam đã ký kết.

(ii) Nhóm dệt may: Nội dung này được đề cập với lý do ngành dệt may là một ngành phức tạp đối với Hoa Kỳ và một số nước như Ôt-xtrây-li-a và Niu-Di-lân. Các vấn đề các thành viên TPP quan tâm là mở cửa thị trường, thủ tục hải quan, quy tắc xuất xứ.

(iii) Nhóm nông nghiệp: Các biện pháp phi thuế sẽ là nội dung cơ bản của nhóm cam kết về nông nghiệp như: trợ cấp xuất khẩu, tín dụng xuất khẩu, hạn ngạch thuế quan, doanh nghiệp nhà nước, tiêu chuẩn thực phẩm, vệ sinh kiểm dịch, hàng rào kỹ thuật, giấy phép nhập khẩu, các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu, chính sách cạnh tranh, quy tắc xuất xứ... Vấn đề môi trường cũng được đặt ra trong tự do hóa thương mại hàng nông sản.

(iv) Quy tắc xuất xứ: TPP sẽ đàm phán để đồng bộ hóa và đơn giản hóa từng bước quy tắc xuất xứ tạo điều kiện cho các thành viên khai thác tối đa lợi ích của việc mở cửa thị trường theo TPP.

(v) Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT):

minh bạch hóa các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, phương thức đánh giá sự phù hợp, có tính đến yêu cầu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs); quy chế thực hành tốt (GRP/BRP); hợp tác kỹ thuật, hợp tác với các diễn đàn khác như WTO, APEC, ASEAN;... xây dựng thể chế hiệu quả.

(vi) Biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS): Các quy định về SPS sẽ được đàm phán ở mức cao hơn và cởi mở hơn so với quy định của WTO với mục đích tạo thuận lợi cho thương mại.

(vii) Dịch vụ: Các nước thành viên TPP có tham vọng khá cao đối với thương mại dịch vụ. Cách thức đàm phán về cơ bản theo nguyên tắc WTO +. Dịch vụ tài chính, bảo hiểm, viễn thông và Internet là những lĩnh vực các nước quan tâm.

(viii) Đầu tư: các cam kết về Đầu tư của TPP, nhìn chung, có phạm vi bảo hộ và mức độ tự do hóa cao hơn nhiều với các nghĩa vụ tương ứng mà Việt Nam đã cam kết trong khuôn khổ các hiệp định song phương và khu vực, đặc biệt là các quy định liên quan đến chế độ đối xử quốc gia (NT), đối xử tối huệ quốc (MFN), tiêu chuẩn đối xử tối thiểu (MST), các yêu cầu về hoạt động giải quyết tranh chấp.

(ix) Mua sắm chính phủ: Đây là vấn đề sẽ được đàm phán trong khuôn khổ TPP với mong muốn tăng cường hợp tác giữa các nước và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) tham gia thị trường.

(x) Sở hữu trí tuệ: Một số thành viên TPP kỳ vọng sẽ đưa lên một chất lượng cao trong cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ.

(xi) Phòng vệ thương mại: Các vấn đề liên quan đến phòng vệ thương mại đang được đưa ra đàm phán trong TPP với mục tiêu giải quyết tốt các tranh chấp thương mại như bán phá giá, trợ cấp, tự vệ...

(xii) Vấn đề liên quan đến lao động và công đoàn: Đây đang là vấn đề tranh cãi giữa các nước trong đàm phán TPP.

(xiii) Thương mại và môi trường và một số vấn đề khác cũng được đưa ra đàm phán trong TPP như: Thỏa thuận hóa và hợp tác hải quan; Hợp tác và nâng cao năng lực...

2. Những cơ hội và thách thức đối với việc tham gia TPP của Việt Nam

2.1. Những cơ hội

- Cải thiện cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu, vì mục tiêu chính của TPP là giảm thuế và những rào



cản đối với hàng hóa và dịch vụ, hướng đến tự do hóa toàn diện, xóa bỏ 100% thuế nhập khẩu (trong đó trên 90% là xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực). Khu vực Châu Á- Thái Bình Dương hiện là khu vực thị trường thương mại chiếm đến 70% tổng kim ngạch xuất khẩu và 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, khi các dòng thuế giảm xuống, Việt Nam có thể gia tăng xuất khẩu nhiều mặt hàng khác vốn là thế mạnh và lợi ích cốt lõi của mình như dệt may, giày dép vào các thị trường lớn, đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ (hiện đóng góp 20% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam) mà không phải cạnh tranh với sản phẩm của nước khác.

Bộ Công Thương (2013) cho biết kim ngạch xuất khẩu mặt hàng chủ lực của Việt Nam là dệt may đạt khoảng 20 tỉ USD, duy trì tốc độ tăng trưởng 18%, vượt hơn 1 tỷ USD so với dự kiến ban đầu; trong đó khoảng 43% kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam vào Mỹ, 12% vào Nhật và 4% vào các nước TPP còn lại. Như vậy, khoảng 60% kim ngạch xuất khẩu của dệt may Việt Nam được xuất khẩu vào các nước trong khối TPP. Hiện nay, thuế xuất khẩu hàng dệt may vào Mỹ là 7% nhưng khi tham gia TPP, hàng dệt may của Việt Nam được hưởng thuế suất 0%, đem lại lợi ích rất lớn. Tương tự, mặt hàng da giày, năm 2012 Việt Nam xuất khẩu 7,2 tỉ USD, trong đó xuất khẩu sang Mỹ chiếm 31%. Nếu hiệp

định TPP được ký kết, mặt hàng này cũng được hưởng thuế suất 0% thay vì mức 12% hiện nay. Mặt hàng lúa gạo của Việt Nam sẽ có cơ hội tăng trưởng xuất khẩu lớn vì các đối thủ chính là Thái Lan, Ấn Độ chưa tham gia đàm phán TPP... Tham gia Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương, các thành viên chiếm đến 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, có thể giúp GDP tăng thêm 26,2 tỉ USD.

- Cơ hội lớn trong mở rộng thị trường và tham gia chuỗi sản xuất khu vực và quốc tế: Trong số 11 đối tác đang đàm phán với Việt Nam, hiện có 7 đối tác có quan hệ thương mại tự do với Việt Nam, 4 đối tác còn lại (Hoa Kỳ, Canada, Mexico, Peru), chưa thiết lập quan hệ thương mại tự do nên cơ hội chủ yếu của Việt Nam sẽ mở rộng ở 4 thị trường này, và theo cơ cấu kinh tế của các nước đang đàm phán với Việt Nam, các quốc gia này phần lớn có hàng hoá và dịch vụ mang tính bổ sung cho Việt Nam. Vì vậy, tác động cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam không lớn. Trong khi đó, đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam là Trung Quốc cũng chưa có đề xuất tham gia hiệp định này, đây là cơ hội để hàng Việt Nam có thể rẻ hơn nếu tận dụng được thuế suất ưu đãi khi vào các thị trường trong nội khối.

Là một nền kinh tế định hướng xuất khẩu, việc Việt Nam có thể tiếp cận các thị trường lớn như Mỹ

Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2013 của Việt Nam với 11 quốc gia đang đàm phán TPP

Đơn vị tính: 1000\$

Quốc gia		Xuất khẩu		Nhập khẩu	
		Kim ngạch	Tỷ lệ (%)	Kim ngạch	Tỷ lệ (%)
Tổng kim ngạch		42,247,543	100%	25,073,181	100.00%
1	Bru-nây	15,752	0.04%	620,167	2.47%
2	Ma-lai-xi-a	4,185,372	9.91%	3,363,280	13.41%
3	Xin-ga-po	2,239,254	5.30%	4,954,643	19.76%
4	Ca-na-đa	1,220,904	2.89%	327,299	1.31%
5	Chi-lê	176,953	0.42%	261,626	1.04%
6	Mỹ	19,486,712	46.13%	4,272,392	17.04%
7	Mê-hi-cô	683,683	1.62%	93,091	0.37%
8	Niu Di-lân	231,049	0.55%	358,266	1.43%
9	Nhật Bản	11,110,780	26.30%	9,521,868	37.98%
10	Ô-xtrây-li-a	2,897,083	6.86%	1,267,914	5.06%
11	Pê-ru			32,635	0.13%

Nguồn: Tổng cục thống kê (2013) và tính toán của tác giả

với mức thuế suất bằng 0% hoặc thấp, sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh lớn và một triển vọng cho nhiều ngành hàng của Việt Nam, tạo thêm công ăn việc làm trong các lĩnh vực phục vụ xuất khẩu. Theo Bảng 1 cho thấy Mỹ chiếm trên 46% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2013 và trên 17% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, đây là thị trường rất quan trọng, đặc biệt khi ký kết TPP, lợi ích này không chỉ dừng lại ở những nhóm mặt hàng mà Việt Nam đang có thế mạnh xuất khẩu (ví dụ như dệt may, giày dép...), còn là động lực để nhiều nhóm mặt hàng khác hiện chưa có kim ngạch đáng kể có điều kiện để gia tăng sức cạnh tranh.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp (đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa) và cả nền kinh tế thông qua việc tiếp cận thị trường được cải thiện, tạo thuận lợi hóa thương mại, minh bạch hóa hơn nữa cho các doanh nghiệp. Một môi trường thương mại hiệu quả, minh bạch và dễ dự đoán, cùng với việc đơn giản hóa thủ tục hải quan, giảm thiểu chi phí cho các giao dịch thương mại quốc tế sẽ góp phần tạo dựng một môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, cạnh tranh trong thị trường hàng hóa nội địa cũng là sức ép tốt để các doanh nghiệp Việt Nam tự thích nghi, điều chỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

- TPP mở ra kỳ vọng trong thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng như tăng tính hấp dẫn đối với đầu tư trong nước, khơi thông dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đang bị chững lại trong những năm gần đây, giúp tái phân bổ về đầu tư và thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh, bởi các nhà đầu tư nước ngoài xem TPP của Việt Nam với các đối tác là cơ hội mở rộng thị trường của họ và sẽ tăng cường đầu tư, chiếm lĩnh thị trường.

- Hoàn thiện môi trường thể chế: TPP sẽ bao trùm cả những cam kết về những vấn đề xuyên suốt như sự hài hòa giữa các quy định pháp luật, tính cạnh tranh, vấn đề hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuỗi cung ứng, hỗ trợ phát triển... Như vậy, tham gia Hiệp định TPP, nhiều quy định pháp luật trong nước có thể phải điều chỉnh, sửa đổi để đáp ứng các tiêu chuẩn, cam kết trong Hiệp định. Do đó, đây là cơ hội để Việt Nam có sức ép hoàn thiện thể

chế kinh tế thị trường.

- Tạo thuận lợi cho tái cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng: Kinh tế Việt Nam thời gian qua trải qua giai đoạn hết sức khó khăn, bởi cả ảnh hưởng bên ngoài và những khó khăn nội tại của nền kinh tế. Do đó tham gia TPP sẽ góp phần thay đổi trong thể chế, tư duy, thu hút đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam, tận dụng tốt hơn cơ hội do quá trình tái cấu trúc cũng như xu thế liên kết kinh tế khu vực, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Giúp Việt Nam minh bạch hóa thị trường mua sắm công, đấu thầu của chính phủ. Đây là khu vực thiếu minh bạch, tham nhũng cao và làm xấu hình ảnh của Việt Nam đối với các nước trên thế giới.

- Giúp Việt Nam có cơ hội nâng cao thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tuy đây là vấn đề lớn đối với Việt Nam trong hoàn cảnh thực tế các vi phạm còn nhiều và các thiết chế bảo hộ còn thiếu hiệu quả. Việc bảo hộ chặt chẽ các quyền sở hữu trí tuệ cũng sẽ dẫn tới những khó khăn trước mắt cho nhiều doanh nghiệp Việt Nam (khi phải bỏ vốn nhiều hơn cho những sản phẩm thuộc loại này) và người tiêu dùng (khi phải trả giá đắt hơn cho sản phẩm). Tuy nhiên, việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ sẽ thúc đẩy sự sáng tạo của các doanh nghiệp và cá nhân trong nước, đây sẽ là cái lợi dài hạn đối với Việt Nam.

- Là cơ hội tốt để Việt Nam làm tốt hơn vấn đề bảo vệ môi trường (đặc biệt trong đầu tư từ các nước đối tác TPP) và bảo vệ người lao động nội địa khi Việt Nam thực thi các tiêu chuẩn về lao động, môi trường, mặc dù về cơ bản những yêu cầu cao và vấn đề này có thể gây khó khăn cho Việt Nam (đặc biệt là chi phí tổ chức thực hiện của Nhà nước và chi phí tuân thủ của doanh nghiệp).

2.2. Những thách thức

- Thị trường trong nước chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài khi Việt Nam mở cửa thị trường theo TPP, nhiều ngành sẽ gặp khó khăn như ngành ô tô nếu Việt Nam mở cửa thị trường hoàn toàn cho Hoa Kỳ và Nhật Bản. Cùng với đó, ngành nông nghiệp với các mặt hàng thịt gà, lợn, bò... là ngành lợi thế của Hoa Kỳ, hoặc mặt hàng đường là thế mạnh của Australia; Giám thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn, hệ quả tất yếu là thị phần hàng hóa liên quan

tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn.

- Sức ép điều chỉnh hệ thống pháp luật: Việt Nam là nước hội nhập muộn so với các nước đàm phán TPP, vẫn là một nền kinh tế chuyển đổi, trình độ phát triển thấp, khoảng cách giữa đòi hỏi của TPP và năng lực thực tế của Việt Nam là không nhỏ. Vì vậy, Việt Nam cần nỗ lực hoàn thiện thể chế kinh tế, khuôn khổ pháp lý, chế tài thực thi, để có thể đáp ứng cam kết trong Hiệp định, đây cũng chính là thách thức đối với Việt Nam khi mà khả năng hoạch định và thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế. Các cơ hội và thách thức luôn chuyển hoá cho nhau, do đó nếu Việt Nam không cải cách mạnh mẽ bên trong cả về Nhà nước, Doanh nghiệp và người dân thì khi tham gia TPP Việt Nam sẽ gánh chịu những rủi ro rất lớn. Điều này thể hiện rõ sau 7 năm gia nhập WTO, nhập siêu tăng mạnh, kim ngạch xuất khẩu chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và các doanh nghiệp trong nước ngày càng yếu thế ngay tại thị trường nội địa.

- Tư duy quản lý và năng lực quản lý còn nhiều hạn chế, yếu kém bởi nền kinh tế Việt Nam một thời gian dài hoạt động trong nền kinh tế kế hoạch hoá, còn bị ảnh hưởng nặng nề bởi tệ quan liêu, hành chính giấy tờ, tư duy về kinh tế thị trường còn nhiều khiếm khuyết. Năng lực hoạch định chính sách chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế phát triển, đặc biệt là hoạch định chính sách thương mại quốc tế. Năng lực của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu khi phải cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn của các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản...

- Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều rào cản kỹ thuật và yêu cầu xuất xứ nghiêm ngặt. Theo điều khoản về xuất xứ hàng hóa được đề xuất ở TPP, các sản phẩm xuất khẩu trong các nước thành viên phải có xuất xứ nội khối TPP mới được hưởng ưu đãi. Đây là một bất lợi, vì Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ các nước bên ngoài TPP như Trung Quốc, Hàn Quốc để gia công hàng xuất khẩu, nếu không chuyển đổi được vùng nguyên liệu, hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ không được hưởng ưu đãi thuế. Ngoài ra, các quy định kỹ thuật thuộc nội khối như bao gói, nhãn mác, dư lượng hóa chất tối đa trong sản phẩm xuất khẩu cũng là một rào cản cho hàng xuất khẩu Việt Nam, hàng nông sản của Việt Nam vào TPP có thể bị mắc ở rào cản về các biện pháp vệ sinh dịch tễ. Những quy định này nằm

trong tay các nước nhập khẩu và hoàn toàn có thể là rào cản đối với hàng hoá của Việt Nam.

- Hàng Việt Nam cũng có khả năng phải đối mặt với kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp nhiều hơn nếu tăng được kim ngạch xuất khẩu vào các nước TPP. Đặc biệt là Việt Nam sẽ gặp nhiều bất lợi vì Mỹ và một số thành viên vẫn chưa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Hơn nữa, không giống như các hiệp định khác, TPP hướng tới một sân chơi bình đẳng, không phân biệt quốc gia phát triển hay đang phát triển, nên không có chính sách ưu tiên như khi Việt Nam đàm phán gia nhập WTO.

- Có sự bất bình đẳng lớn trong thương mại quốc tế đối với Việt Nam khi đàm phán với các nước phát triển, đó là thực tế phải chấp nhận. Toàn cầu hóa đã buộc các doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh khốc liệt với doanh nghiệp nước ngoài để giành lấy thị phần với sự cạnh tranh gay gắt. Hơn nữa, các nước giàu cũng sử dụng nhiều biện pháp như quyền sở hữu trí tuệ để bảo đảm sự độc quyền, giúp các doanh nghiệp nước ngoài có thể định giá cao mà không chịu sức ép.

3. Một số khuyến nghị đối với Chính phủ

Thứ nhất, cần rà soát lại các quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến TPP để xây dựng kế hoạch điều chỉnh, sửa đổi. Những vấn đề cần được quan tâm rà soát là các quy định về lao động và công đoàn, mua sắm chính phủ, ngân hàng, tiếp cận thị trường (về quy tắc xuất xứ, TBT, SPS, hải quan, sở hữu trí tuệ, đầu tư, đấu thầu...), trong đó lao động/công đoàn, mua sắm chính phủ và tiếp cận thị trường là các vấn đề mới đối với Việt Nam.

Thứ hai, rà soát và xác định những lĩnh vực kinh tế bị tác động mạnh khi thực hiện các cam kết TPP để có biện pháp hỗ trợ hợp lý theo thông lệ quốc tế. Chẳng hạn một số sản phẩm xuất khẩu có lợi thế của Việt Nam có thể bị hạn chế do các nước TPP áp dụng quy tắc xuất xứ mới, các quy định về rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) và kiểm dịch động-thực vật (SPS) khắt khe hơn; Một số lĩnh vực bị tác động do mở cửa thị trường như ngân hàng, chăn nuôi, sản phẩm chế tạo... cần tính đến khả năng phát triển sản xuất trong nước có theo kịp cơ hội mở cửa thị trường của TPP nhằm tận dụng tối đa lợi thế khi tham gia và có điều chỉnh phù hợp.

Thứ ba, Chính phủ phải tạo cơ chế tham gia của doanh nghiệp vào cả khâu đàm phán TPP và thực thi

các cam kết sau này cũng như có cơ chế để buộc các bên liên quan phải thực thi, vì doanh nghiệp là đối tượng được hưởng lợi trực tiếp hoặc trực tiếp bị ảnh hưởng. Các doanh nghiệp chính là các cố vấn giúp cho các cơ quan chính phủ có thêm thông tin và đối sách trong quá trình đàm phán TPP. Đồng thời cũng cần có định hướng và giải pháp nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ hoạch định chính sách thương mại quốc tế, đáp ứng đòi hỏi trong bối cảnh mới.

Thứ tư, có các giải pháp hỗ trợ đối với khu vực

sản xuất trong nước vì theo TPP, nếu hàng hoá sản xuất tại Việt Nam xuất khẩu vào các thị trường cần đáp ứng được các yêu cầu khá cao và phức tạp về quy tắc xuất xứ, muốn được hưởng thuế suất ưu đãi của TPP, thì phải có nguyên liệu tự sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu từ các nước thành viên TPP, do đó cần chú trọng phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ để tránh phụ thuộc quá lớn vào nguyên vật liệu nhập khẩu, có chính sách thu hút đầu tư vào các ngành này. □

Tài liệu tham khảo:

Bộ Công Thương (2013), *Các Hiệp định thương mại tự do FTA Việt Nam tham gia*, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê (2013), *Báo cáo kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2013*, Hà Nội.

Ủy ban quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế (2010), *Đánh giá tính khả thi của việc tham gia TPP của Việt Nam, kiến nghị chủ trương và giải pháp tham gia TPP*, Hà Nội.

Transpacific Partnership Agreement (TPP): Opportunities and challenges for Vietnam

Abstract

Vietnam is one of twelve countries in the Asia - Pacific region which is currently in the negotiation stage of Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP). TPP is also known as the "Agreement of the 21st century" or "High quality FTA", with the purpose of economic integration, labor division between member countries, reform and unite investment environment, trade and business facilitation. Therefore, the assessment of the opportunities and challenges is essential to avoid risks in international trade of Vietnam in the long term period as well as the adjustment strategy in order to take the advantages of the benefits offered by TPP provides for the sustainable economic development in future.

Thông tin tác giả:

***Ngô Tuấn Anh**, Tiến sĩ kinh tế

- Đơn vị công tác: Khoa Kinh tế học – Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế vi mô và kinh tế quốc tế

- Một số tạp chí tiêu biểu đã đăng bài của tác giả: Tạp chí Kinh tế và phát triển, Tạp chí Công Thương.

Email: ngotuananh@neu.edu.vn

****Đỗ Đức Trung**, Học viên cao học K20, Đại học Kinh tế quốc dân

- Đơn vị công tác: Giảng viên, Khoa quản lý kinh doanh- Trường đại học công nghiệp Hà Nội.

Email: hauidotrung@gmail.com